PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO SINH VIÊN KẾ TOÁN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Võ Thị Minh Hạnh
Khoa Kinh tế, Trường Cao đẳng Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Tóm tắt: *Bài viết phân tích vấn đề phát triển năng lực số cho sinh viên kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số đang tác động mạnh mẽ đến lĩnh vực kế toán, tài chính và quản trị doanh nghiệp. Nội dung bài viết làm rõ khái niệm, vai trò của năng lực số đối với sinh viên kế toán; đánh giá thực trạng phát triển năng lực số hiện nay, chỉ ra những kết quả đạt được và các hạn chế về kỹ năng công nghệ, phân tích dữ liệu, thực hành phần mềm và bảo mật thông tin. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, môi trường học tập số và liên kết với doanh nghiệp.*

Từ khóa: *Năng lực số; sinh viên kế toán; chuyển đổi số.*

DEVELOPING DIGITAL COMPETENCIES FOR ACCOUNTING STUDENTS IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION

Abstract: *The article analyzes the issue of developing digital competencies for accounting students in the context of digital transformation that is having a strong impact on the fields of accounting, finance and corporate governance. The content of the article clarifies the concept and role of digital competencies for accounting students; assess the current state of digital capacity development, point out the achievements and limitations in technology skills, data analysis, software practice, and information security. On that basis, the article proposes solutions to innovate training programs, teaching methods, digital learning environments and link with businesses.*

Keywords*: Digital competencies; accounting students; Digital Transformation.*

Nhận bài: 02/07/2026 Phản biện: 02/08/2026 Duyệt đăng: 05/08/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, trong đó có lĩnh vực kế toán. Sự phát triển của công nghệ số, phần mềm kế toán, hóa đơn điện tử, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây và các nền tảng quản trị doanh nghiệp đã làm thay đổi căn bản phương thức thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin tài chính - kế toán. Trong bối cảnh đó, yêu cầu đối với nhân lực kế toán không chỉ dừng lại ở việc nắm vững nguyên lý, chuẩn mực và chế độ kế toán, mà còn phải có năng lực số để thích ứng với môi trường làm việc hiện đại. Sinh viên kế toán, với tư cách là nguồn nhân lực tương lai của ngành, cần được trang bị khả năng sử dụng công nghệ, khai thác dữ liệu, bảo mật thông tin, giao tiếp trên môi trường số và tư duy phân tích trong quá trình học tập cũng như thực hành nghề nghiệp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy năng lực số của một bộ phận sinh viên kế toán còn hạn chế; chương trình đào tạo chưa đồng bộ với yêu cầu chuyển đổi số; việc thực hành trên phần mềm, dữ liệu thực tế và nền tảng số chưa được chú trọng đúng mức. Vì vậy, nghiên cứu vấn đề phát triển năng lực số cho sinh viên kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số là cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng đáp ứng thị trường lao động.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số vấn đề lý luận về năng lực số của sinh viên kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số

Theo UNESCO, năng lực số là khả năng truy cập, quản lý, hiểu, kết hợp, giao tiếp, đánh giá và sáng tạo thông tin một cách an toàn và phù hợp thông qua công nghệ số để phục vụ cho các công việc từ đơn giản đến phức tạp cũng như khởi nghiệp. Năng lực số là tổng hợp của năng lực sử dụng máy tính, năng lực công nghệ thông tin, năng lực thông tin và năng lực truyền thông. Tại Khoản 11, Điều 2, Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24.1.2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, "Năng lực số là khả năng sử dụng công nghệ số để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể hoặc để giải quyết vấn đề trong thực tiễn". Năng lực số là khả năng của cá nhân trong việc sử dụng công nghệ số để truy cập, quản lý, hiểu, kết hợp, giao tiếp, đánh giá và sáng tạo thông tin một cách an toàn, phù hợp nhằm hoàn thành nhiệm vụ cụ thể hoặc giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Hiểu một cách khái quát, năng lực số là sự tổng hợp của nhiều năng lực thành phần, bao gồm: năng lực sử dụng máy tính, năng lực công nghệ thông tin, năng lực thông tin và năng lực truyền thông. Đối với sinh viên, năng lực số giúp họ học tập, nghiên cứu, xử lý thông tin, làm việc trên môi trường số và thích ứng tốt hơn với yêu cầu nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số.

Năng lực số của sinh viên kế toán là khả năng vận dụng công nghệ số, dữ liệu số và các công cụ phần mềm chuyên ngành để thực hiện hoạt động học tập, xử lý nghiệp vụ kế toán, phân tích thông tin tài chính và thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số. Cụ thể, năng lực số của sinh viên kế toán bao gồm: khả năng sử dụng máy tính, phần mềm kế toán, Excel, hóa đơn điện tử, chữ ký số, hệ thống ERP; khả năng thu thập, quản lý, phân tích và bảo mật dữ liệu kế toán; khả năng giao tiếp, làm việc, báo cáo trên môi trường số; đồng thời biết khai thác công nghệ như điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn để hỗ trợ công việc kế toán.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, năng lực số giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với sinh viên kế toán, bởi hoạt động kế toán hiện nay không còn giới hạn ở việc ghi chép, tính toán thủ công mà chuyển mạnh sang môi trường dữ liệu, phần mềm và nền tảng số. Năng lực số giúp sinh viên kế toán nâng cao hiệu quả học tập và tiếp cận tri thức chuyên ngành. Khi có năng lực số, sinh viên có thể khai thác học liệu điện tử, sử dụng phần mềm mô phỏng nghiệp vụ, tham gia lớp học trực tuyến, tìm kiếm chuẩn mực kế toán, văn bản pháp luật và tài liệu chuyên ngành một cách nhanh chóng, chính xác. Ví dụ, trong quá trình học học phần kế toán tài chính, sinh viên có thể tra cứu chế độ kế toán hiện hành, sử dụng Excel để lập bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh và phân tích sự biến động của các chỉ tiêu tài chính.

Năng lực số giúp sinh viên kế toán thực hành nghiệp vụ kế toán sát với yêu cầu thực tiễn doanh nghiệp. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán, hóa đơn điện tử, chữ ký số, hệ thống quản trị doanh nghiệp và lưu trữ dữ liệu trên nền tảng đám mây. Vì vậy, sinh viên kế toán cần biết sử dụng các công cụ này để xử lý chứng từ, nhập liệu, đối chiếu sổ sách, lập báo cáo và quản lý dữ liệu kế toán. Ví dụ, khi thực hành kế toán bán hàng, sinh viên có năng lực số có thể lập hóa đơn điện tử, ghi nhận doanh thu trên phần mềm kế toán, theo dõi công nợ khách hàng và xuất báo cáo bán hàng theo từng kỳ.

Năng lực số giúp sinh viên kế toán phát triển khả năng phân tích dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định. Trong môi trường số, kế toán không chỉ làm nhiệm vụ ghi nhận nghiệp vụ kinh tế phát sinh mà còn phải biết khai thác dữ liệu để cung cấp thông tin có giá trị cho nhà quản lý. Sinh viên có năng lực số sẽ biết sử dụng bảng tính, phần mềm phân tích dữ liệu hoặc công cụ trực quan hóa để xử lý số liệu, nhận diện xu hướng, phát hiện sai lệch và đưa ra nhận xét phù hợp. Ví dụ, từ dữ liệu chi phí của một doanh nghiệp trong nhiều tháng, sinh viên có thể dùng Excel để lập biểu đồ, so sánh tỷ trọng từng khoản chi phí, phát hiện chi phí bất thường và đề xuất biện pháp kiểm soát.

Năng lực số giúp sinh viên kế toán nâng cao khả năng thích ứng nghề nghiệp và bảo đảm an toàn thông tin trong môi trường làm việc hiện đại. Nghề kế toán gắn liền với dữ liệu tài chính, thông tin khách hàng, hợp đồng, hóa đơn và báo cáo quan trọng; do đó, sinh viên cần có ý thức bảo mật, sử dụng mật khẩu an toàn, phân quyền dữ liệu, nhận diện rủi ro trên môi trường mạng và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp. Ví dụ, khi thực tập tại doanh nghiệp, sinh viên được giao xử lý chứng từ trên phần mềm kế toán thì phải biết không chia sẻ tài khoản truy cập, không tải dữ liệu nội bộ lên nền tảng không được phép và biết sao lưu dữ liệu đúng quy định. Như vậy, năng lực số không chỉ hỗ trợ sinh viên học tập tốt hơn mà còn giúp hình thành tác phong nghề nghiệp hiện đại, chuyên nghiệp và phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số của ngành kế toán.

2.2. Thực trạng phát triển năng lực số cho sinh viên kế toán hiện nay

Thực trạng phát triển năng lực số cho sinh viên kế toán cho thấy đây là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh chuyển đổi số. Hoạt động kế toán đang chuyển từ phương thức thủ công sang môi trường số với phần mềm kế toán, hóa đơn điện tử, chữ ký số, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, ERP và trí tuệ nhân tạo. Vì vậy, sinh viên kế toán không chỉ cần kiến thức chuyên môn mà còn phải có năng lực khai thác, xử lý, phân tích, bảo mật và truyền đạt thông tin kế toán trong môi trường số.

Về mặt chính sách giáo dục, phát triển năng lực số cho người học đã được thể chế hóa rõ hơn trong hệ thống giáo dục quốc dân. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Khung năng lực số cho người học, trong đó xác định năng lực số là yêu cầu cần thiết đối với quá trình học tập, làm việc và giải quyết vấn đề trong thực tiễn. Khung năng lực số gồm 6 miền năng lực với 24 năng lực thành phần, được chia thành 4 trình độ từ cơ bản đến chuyên sâu theo 8 bậc. Đây là cơ sở quan trọng để các cơ sở đào tạo ngành kế toán rà soát chương trình, chuẩn đầu ra và phương pháp giảng dạy theo hướng gắn kiến thức kế toán với kỹ năng công nghệ, kỹ năng dữ liệu và kỹ năng làm việc trong môi trường số.

Sinh viên kế toán hiện nay có điều kiện tiếp cận công nghệ số thuận lợi hơn so với trước đây. Sự phổ biến của internet, điện thoại thông minh, máy tính cá nhân, nền tảng học tập trực tuyến và học liệu số đã tạo môi trường thuận lợi để sinh viên học tập, trao đổi tài liệu, thực hành phần mềm và tiếp cận kiến thức chuyên ngành. Theo số liệu về hạ tầng số ở Việt Nam, 88,7% thuê bao di động sử dụng smartphone, 82,3% hộ gia đình có kết nối internet cáp quang băng rộng và mạng 4G phủ sóng 99,8% lãnh thổ. Những điều kiện này giúp sinh viên kế toán dễ dàng tiếp cận bài giảng trực tuyến, phần mềm kế toán, hệ thống hóa đơn điện tử, văn bản pháp luật thuế - kế toán và các công cụ phân tích dữ liệu. Tuy nhiên, việc có điều kiện tiếp cận công nghệ không đồng nghĩa với việc sinh viên đã có năng lực số toàn diện. Nhiều sinh viên sử dụng tốt mạng xã hội, công cụ tìm kiếm, ứng dụng văn phòng cơ bản, nhưng còn hạn chế khi phải phân tích dữ liệu, xây dựng báo cáo tài chính trên phần mềm, kiểm tra độ tin cậy của dữ liệu hoặc bảo mật thông tin kế toán.

Thực tiễn nghiên cứu cho thấy năng lực số của sinh viên nói chung và sinh viên khối kinh tế - kế toán nói riêng còn có sự chênh lệch giữa các nhóm kỹ năng. Một nghiên cứu tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế khảo sát 793 sinh viên dựa trên khung DigComp cho thấy sinh viên có cảm nhận khá tích cực về năng lực thông tin và dữ liệu, giao tiếp và cộng tác, bảo đảm an toàn; tuy nhiên, mức độ tự tin giảm khi nhiệm vụ số trở nên phức tạp hơn, đặc biệt ở nhóm năng lực tạo nội dung số và giải quyết vấn đề. Điều này phản ánh thực trạng khá phổ biến trong đào tạo kế toán hiện nay: sinh viên có thể tìm kiếm tài liệu, trao đổi thông tin, làm bài tập trên máy tính, nhưng chưa thật sự thành thạo các kỹ năng chuyên sâu như xử lý dữ liệu lớn, sử dụng phần mềm kế toán tích hợp, phân tích dữ liệu tài chính, trực quan hóa báo cáo, khai thác AI đúng cách hoặc kiểm soát rủi ro thông tin.

Yêu cầu từ thị trường lao động kế toán đang thay đổi nhanh hơn so với tốc độ điều chỉnh của một số chương trình đào tạo. Nghiên cứu thực nghiệm về năng lực số trong kế toán ở Việt Nam sử dụng 278 bảng hỏi hợp lệ, gồm 145 sinh viên kế toán và 133 người làm nghề kế toán, cho thấy có sự khác biệt về năng lực số giữa sinh viên và người làm nghề; nghiên cứu cũng khuyến nghị cần đưa công nghệ thông tin và truyền thông vào chương trình kế toán như một năng lực cốt lõi. Kết quả này cho thấy khoảng cách giữa đào tạo và thực tiễn nghề nghiệp vẫn còn tồn tại. Trong khi doanh nghiệp ngày càng cần nhân lực kế toán biết sử dụng phần mềm kế toán, hóa đơn điện tử, hệ thống ERP, công cụ phân tích dữ liệu và bảo mật thông tin, thì một bộ phận sinh viên vẫn chủ yếu học theo phương pháp truyền thống, nặng về lý thuyết, ít được thực hành với tình huống thực tế và dữ liệu thật.

Sự chuyển đổi số mạnh mẽ trong doanh nghiệp tạo áp lực trực tiếp đối với đào tạo kế toán. Theo số liệu ngành thuế, đến tháng 10/2023, 100% doanh nghiệp, tổ chức với 851.372 đơn vị và 100% hộ, cá nhân kinh doanh theo phương pháp kê khai với 65.576 trường hợp đã chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử; lũy kế đến ngày 30.9.2023, cả nước đã tiếp nhận và xử lý hơn 5 tỷ hóa đơn điện tử. Bên cạnh đó, một nghiên cứu về ứng dụng công nghệ số vào kế toán tại doanh nghiệp Việt Nam cho biết nghiệp vụ kế toán là lĩnh vực có mức độ chuyển đổi số cao hơn cả, với trên 40% doanh nghiệp sử dụng công nghệ số ở mức độ cao và thường xuyên. Những số liệu này cho thấy sinh viên kế toán nếu thiếu năng lực số sẽ gặp khó khăn khi thực tập, làm việc và thích ứng với quy trình kế toán hiện đại.

Từ thực trạng trên có thể thấy, phát triển năng lực số cho sinh viên kế toán hiện nay đã có nền tảng thuận lợi về chính sách, hạ tầng công nghệ và nhu cầu xã hội; tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế về kỹ năng chuyên sâu, khả năng phân tích dữ liệu, thực hành phần mềm, bảo mật thông tin và gắn kết đào tạo với doanh nghiệp. Do đó, các cơ sở đào tạo cần tiếp tục đổi mới chương trình, tăng thời lượng thực hành trên phần mềm kế toán, hóa đơn điện tử, dữ liệu mô phỏng, ERP, Excel nâng cao, Power BI và các công cụ số phù hợp. Đồng thời, cần xây dựng chuẩn đánh giá năng lực số riêng cho sinh viên kế toán, gắn với yêu cầu nghề nghiệp, để sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh chuyển đổi số.

2.3. Giải pháp phát triển năng lực số cho sinh viên kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số

Một là, cần đổi mới chương trình đào tạo ngành kế toán theo hướng tích hợp năng lực số vào chuẩn đầu ra. Chương trình đào tạo không chỉ trang bị kiến thức về nguyên lý kế toán, kế toán tài chính, kế toán quản trị, kiểm toán, thuế, tài chính doanh nghiệp, mà còn phải bổ sung các yêu cầu về sử dụng công nghệ số, khai thác dữ liệu, bảo mật

thông tin và làm việc trên môi trường số. Chuẩn đầu ra của sinh viên kế toán cần xác định rõ sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng sử dụng phần mềm kế toán, hóa đơn điện tử, chữ ký số, bảng tính nâng cao, hệ thống quản trị doanh nghiệp và các công cụ phân tích dữ liệu. Việc tích hợp năng lực số vào chuẩn đầu ra sẽ giúp quá trình đào tạo có định hướng rõ ràng, tránh tình trạng dạy công nghệ một cách rời rạc, thiếu liên hệ với nghiệp vụ kế toán.

Hai là, tăng cường các học phần và nội dung đào tạo về công nghệ số trong kế toán. Các cơ sở đào tạo cần đưa vào chương trình những học phần hoặc chuyên đề như kế toán máy, kế toán số, hóa đơn điện tử, khai thuế điện tử, phân tích dữ liệu kế toán, Excel nâng cao, Power BI, hệ thống ERP, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo trong kế toán và an toàn thông tin tài chính. Những nội dung này cần được thiết kế theo hướng thực hành, gắn với quy trình kế toán trong doanh nghiệp, từ khâu lập chứng từ, nhập liệu, xử lý dữ liệu, đối chiếu, lập báo cáo đến phân tích thông tin tài chính. Ví dụ, thay vì chỉ yêu cầu sinh viên lập báo cáo tài chính trên giấy, giảng viên có thể giao bài tập yêu cầu sinh viên nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán, xuất báo cáo, kiểm tra sai lệch và trình bày kết quả phân tích bằng biểu đồ số.

Ba là, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng thực hành, mô phỏng và giải quyết tình huống nghề nghiệp trên nền tảng số. Năng lực số không thể hình thành nếu sinh viên chỉ học lý thuyết hoặc nghe giảng một chiều. Vì vậy, giảng viên cần tổ chức các hoạt động học tập như học theo dự án, học qua tình huống, mô phỏng doanh nghiệp, thực hành trên bộ chứng từ điện tử, phân tích dữ liệu kế toán giả định hoặc dữ liệu đã được ẩn danh. Trong quá trình học, sinh viên cần được đặt vào các tình huống gần với thực tế như xử lý hóa đơn sai sót, đối chiếu công nợ, lập bảng kê thuế, phân tích biến động chi phí, kiểm tra dữ liệu bất thường hoặc lập báo cáo quản trị cho nhà quản lý. Cách dạy này giúp sinh viên vừa hiểu bản chất nghiệp vụ kế toán, vừa rèn luyện kỹ năng sử dụng công cụ số để giải quyết vấn đề.

Bốn là, nâng cao năng lực số cho đội ngũ giảng viên kế toán. Giảng viên là nhân tố quyết định chất lượng đào tạo, vì vậy muốn phát triển năng lực số cho sinh viên thì trước hết giảng viên phải có năng lực số và khả năng ứng dụng công nghệ vào giảng dạy. Các trường cần tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên về phần mềm kế toán, hệ thống ERP, phân tích dữ liệu, thiết kế học liệu số, sử dụng nền tảng quản lý học tập, khai thác trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy và nghiên cứu. Bên cạnh đó, cần khuyến khích giảng viên tham gia các khóa tập huấn do doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp hoặc đơn vị cung cấp phần mềm tổ chức để cập nhật kịp thời xu hướng nghề nghiệp. Giảng viên kế toán trong thời đại số không chỉ truyền đạt kiến thức chuyên môn mà còn phải hướng dẫn sinh viên cách tư duy với dữ liệu, cách lựa chọn công cụ số phù hợp và cách sử dụng công nghệ có trách nhiệm.

Năm là, tăng cường liên kết giữa nhà trường với doanh nghiệp, tổ chức nghề nghiệp và đơn vị cung cấp giải pháp công nghệ kế toán. Đây là giải pháp quan trọng để rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo và thực tiễn. Nhà trường cần hợp tác với các doanh nghiệp kế toán, kiểm toán, tư vấn thuế, ngân hàng, doanh nghiệp phần mềm kế toán và các tổ chức nghề nghiệp để xây dựng học liệu thực tế, tổ chức hội thảo chuyên đề, đưa chuyên gia vào giảng dạy, tạo điều kiện cho sinh viên thực tập trên môi trường số. Thông qua hợp tác này, sinh viên có thể tiếp cận quy trình kế toán thực tế, phần mềm đang được doanh nghiệp sử dụng, yêu cầu tuyển dụng và các tình huống nghề nghiệp phát sinh. Đồng thời, doanh nghiệp cũng có thể tham gia góp ý chương trình đào tạo, giúp nhà trường điều chỉnh nội dung đào tạo sát hơn với nhu cầu của thị trường lao động.

Sáu là, xây dựng môi trường học tập số và hệ thống học liệu số phục vụ đào tạo kế toán. Môi trường học tập số bao gồm nền tảng quản lý học tập trực tuyến, thư viện số, kho bài giảng điện tử, ngân hàng bài tập tình huống, phần mềm kế toán dùng cho đào tạo, bộ dữ liệu kế toán mô phỏng và các công cụ hỗ trợ trao đổi giữa giảng viên với sinh viên. Khi có môi trường học tập số, sinh viên có thể học mọi lúc, mọi nơi, tự luyện tập nghiệp vụ, làm bài tập trên hệ thống, nhận phản hồi nhanh và chủ động nâng cao kỹ năng. Đối với ngành kế toán, học liệu số cần được thiết kế theo hướng thực tiễn, chẳng hạn bộ chứng từ mua hàng, bán hàng, tiền lương, tài sản cố định, thuế, ngân hàng, công nợ; từ đó sinh viên thực hành ghi nhận nghiệp vụ, lập sổ sách, xuất báo cáo và phân tích kết quả trên phần mềm. Đây là điều kiện quan trọng để biến năng lực số thành kỹ năng thực hành thường xuyên.

Bảy là, xây dựng cơ chế đánh giá năng lực số của sinh viên kế toán một cách cụ thể, thường

xuyên và gắn với chuẩn nghề nghiệp. Việc đánh giá không nên chỉ dừng lại ở bài kiểm tra lý thuyết về công nghệ, mà cần đo lường khả năng sinh viên vận dụng công nghệ để giải quyết nhiệm vụ kế toán cụ thể. Nhà trường có thể xây dựng bộ tiêu chí đánh giá gồm: khả năng sử dụng phần mềm kế toán, xử lý dữ liệu trên bảng tính, lập và kiểm tra báo cáo, khai thác thông tin từ văn bản pháp luật điện tử, bảo mật dữ liệu, giao tiếp và làm việc nhóm trên nền tảng số, nhận diện rủi ro trong môi trường số. Kết quả đánh giá cần được sử dụng để điều chỉnh chương trình, phương pháp giảng dạy và hỗ trợ những sinh viên còn yếu về kỹ năng số. Đồng thời, có thể cấp chứng nhận năng lực số chuyên ngành kế toán cho sinh viên đạt yêu cầu, góp phần nâng cao lợi thế cạnh tranh của sinh viên khi tham gia thị trường lao động.

III. KẾT LUẬN

Phát triển năng lực số cho sinh viên kế toán là yêu cầu cấp thiết và có ý nghĩa chiến lược trong bối cảnh chuyển đổi số đang tác động sâu rộng đến lĩnh vực kế toán, tài chính và quản trị doanh nghiệp. Năng lực số không chỉ giúp sinh viên nâng cao hiệu quả học tập, thực hành nghề nghiệp, mà còn tạo nền tảng để thích ứng với môi trường làm việc hiện đại, dựa trên dữ liệu và công nghệ. Để đạt được mục tiêu này, các cơ sở đào tạo cần triển khai đồng bộ các giải pháp như đổi mới chương trình đào tạo, tăng cường nội dung công nghệ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực số cho giảng viên, đẩy mạnh liên kết với doanh nghiệp, xây dựng môi trường học tập số và đánh giá năng lực số theo chuẩn đầu ra. Qua đó, sinh viên kế toán có thể đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động trong nền kinh tế số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026). Thông tư Số: 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24.1.2025, quy định khung năng lực số cho người học. Hà Nội.

Bộ Khoa học và Công nghệ (2024), "Internet Việt Nam: Ba mươi năm phát triển thần tốc". https://mst.gov.vn/internet-viet-nam-ba-muoi-nam-phat-trien-than-toc-197241227122858638.htm.

Nam, N.N, L. T. M. Tân, Hoà. T. T. (2023). "Năng lực số của sinh viên và các nhân tố ảnh hưởng". Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế: Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam, tr.480-498.

Tra Lam Pham. Thi Phuong Thanh Tran. Thi Kim Thoa Dau. Anh Hoa Tran. (2025). "The determinants of digital competencies in accounting: an empirical study in Vietnam". International Publications, Vol. 15, Issue 2.

UNESCO. (2018). A Global Framework of Reference on Digital Literacy. UNESCO Institute for Statistics. p.6.